TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LẠNG SƠN** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án: 15/2022/HNGĐ-ST
Ngày 22-8-2022
V/v xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con, tranh chấp về cấp dưỡng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Thịnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Xuân Quý.

Bà Đặng Thị Lan Anh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Hữu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Bà H1 Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn, đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 115/2022/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 7 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con, tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn", theo theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị N, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn K, thị trấn T, Hện L, tỉnh Bắc Ninh. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Phan Tiến D, sinh năm 1973; địa chỉ: Số nhà X, đường Đ, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị N trình bày*:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phan Tiến D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 22/3/2000 tại Ủy ban nhân dân phường C, thành

phố L, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi kết hôn chị cHển về sống cùng anh Phan Tiến D tại phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Thời gian đầu vợ chồng chị vẫn chung sống hòa thuận. Khoảng năm 2002 đến năm 2003, do anh Phan Tiến D thường xuyên đi uống rượu say xỉn, chị có kHên bảo nhưng anh Phan Tiến D không nghe, còn đánh chửi chị. Vì vậy giữa hai vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn. Sau đó mâu thuẫn giữa hai vợ chồng ngày càng trầm trọng, anh Phan Tiến D vẫn tiếp tục rượu chè, đánh chửi chị. Anh Phan Tiến D không có công việc gì ổn định, suốt ngày ở nhà uống rượu. Đến năm 2008, do chị không thể chịu được nữa và mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã rất trầm trọng nên chị đã cHển về nhà mẹ đẻ ở Thôn K, thị trấn T, Hện L, tỉnh Bắc Ninh sinh sống. Từ đó cho đến nay chị không trở về nhà anh Phan Tiến D ở phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn nữa, hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2008 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, chị cũng không liên hệ, hỏi thăm gì và cũng không quan tâm gì đến anh Phan Tiến D. Anh Phan Tiến D cũng không liên hệ, hỏi thăm và cũng không quan tâm gì đến chị, ai sống ra sao thì sống. Vợ, chồng không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Nay chị xác định không tình cảm gì với anh Phan Tiến D nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Phan Tiến D. Chị và anh Phan Tiến D có 02 con chung là Phan Đức H, sinh ngày 18/8/2000 và Phan Đức H1, sinh ngày 13/12/2006. Hiện cháu Phan Đức H đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu Phan Đức H1 hiện đang ở với anh Phan Tiến D, khi ly hôn chị yêu cầu anh Phan Tiến D là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phan Đức H1 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Phan Tiến D trình bày: Anh và chị Trần Thị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi kết hôn anh và chị Trần Thị N cHển về sống cùng nhau tại nhà anh ở phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Trong quá trình chung sống giữa anh và chị Trần Thị N không xảy ra mâu thuẫn gì. Đến năm 2008 chị Trần Thị N đi xuất khẩu lao động tại đảo Síp, tuy nhiên do chị Trần Thị N trốn ra ngoài làm nên bị đuổi về trước thời hạn và bị phạt ba triệu Euro. Đến năm 2010 thì chị Trần Thị N về nước nhưng không về nhà anh mà về ở tại quê ngoại tại thị trấn T, Hện L, tỉnh Bắc Ninh sinh sống, từ đó đến nay chị Trần Thị N ở quê ngoại và không quay về nhà anh. Anh và chị Trần Thị N sống ly thân với nhau từ năm 2008 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, anh cũng không liên hệ, hỏi thăm gì và cũng không quan tâm gì đến chị Trần Thị N. Chị Trần Thị N cũng không liên hệ, hỏi thăm và cũng không quan tâm gì đến anh, ai sống ra sao thì sống. Vợ, chồng không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Anh xác định không tình cảm gì với chị Trần Thị N, nay chị Trần Thị N yêu cầu được ly hôn với anh thì anh nhất trí. Anh và chị Trần Thị N có 02 con chung là Phan Đức H, sinh năm 2000 và Phan Đức H1, sinh ngày 13/12/2006. Hiện cháu Phan Đức H đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu Phan Đức H1 hiện đang ở với anh, khi ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phan Đức H1 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh yêu cầu chị Trần Thị N phải cấp dưỡng nuôi con chung Phan Đức H1 số tiền

5.000.000 đồng/01 tháng cho đến khi cháu Phan Đức H1 đủ 18 tuổi. Hiện nay anh đang làm nghề thợ sơn, thu nhập trung bình một năm từ 25 triệu đồng đến 30 triệu đồng, tính theo tháng thì thu nhập trung bình một tháng khoảng hơn 02 triệu đồng/tháng. Theo anh nắm được thì hiện nay chị Trần Thị N không có việc làm ổn định, chỉ ở nhà đánh bài. Trước đây chị Trần Thị N có buôn bán vịt, gà nhưng lâu rồi anh không liên hệ với chị Trần Thị N nên anh không biết hiện nay chị Trần Thị N còn buôn bán nữa không.Tài sản chung, nợ chung: Không có.

Cháu Phan Đức H1 có ý kiến: Nếu bố mẹ cháu hôn thì cháu chọn ở với bố là anh Phan Tiến D và cháu yêu cầu mẹ là chị Trần Thị N phải cấp dưỡng nuôi cháu.

Tại phiên tòa:

Chị Trần Thị N và anh Phan Tiến D đã có ý kiến thống nhất thuận tình ly hôn, con chung cháu Phan Đức H đã lớn không yêu cầu giải quyết, khi ly hôn thì anh Phan Tiến D sẽ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Phan Đức H1.

Về mức cấp dưỡng anh Phan Tiến D trình bày hiện nay anh làm thợ sơn mức thu nhập khoảng 12 đến 15 triệu đồng/tháng, tuy nhiên công việc không đều, 1 năm chỉ có việc làm khoảng 4 tháng. Anh có nhà riêng, chỉ có anh và con trai là cháu Phan Đức H1 sống. Hằng ngày anh có đi nhặt phế liệu để tăng thêm thu nhập. Về chi phí sinh hoạt, cơ bản tối thiểu để nuôi cháu Phan Đức H1 1 tháng hết khoảng 3.000.000 đồng/tháng. Nếu được nuôi con anh yêu cầu chị Trần Thị N cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng/tháng. Theo anh được biết thì hiện nay chị Trần Thị N không có việc làm, ở nhà. Anh không yêu cầu chị Trần Thị N phải trả lãi chậm trả.

Chị Trần Thị N có ý kiến: Hiện nay chị làm khoảng 3 sào ruộng cùng gia đình bên ngoại, chị cũng không có thu nhập gì khác. Anh Phan Tiến D yêu cầu cấp dưỡng nuôi cháu Phan Đức H1 5.000.000 đồng/tháng là quá cao. Chị chỉ có khả năng cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000 đồng. Chị tự nguyện chịu tiền án phí ly hôn cho anh Phan Tiến D.

Tại phiên tòa Vị đại diện viện kiểm sát phát biểu và kết luận về thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử,Thư ký đã tuân theo đúng quy định của pháp luật để giải quyết vụ án và nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành theo đúng quy định pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử:

Công nhận chị Trần Thị N và anh Phan Tiến D thuận tình ly hôn. Công nhận sự thỏa thuận của chị Trần Thị N và anh Phan Tiến D, cụ thể: Anh Phan Tiến D là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Phan Đức H1 đến khi cháu Phan Đức H1 đủ 18 tuổi.

Về mức cấp dưỡng: Anh Phan Tiến D yêu cầu cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng/tháng là quá cao. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét buộc chị Trần Thị N phải cấp dưỡng nuôi con từ 1.500.000 đ đến 2.000.000 đ/tháng là hợp tình, hợp lý

Tài sản chung, nợ chung không có, nên không xem xét giải quyết. Chị Trần Thị N phải chịu án phí ly hôn, án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định như sau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Chị Trần Thị N xin ly hôn với anh Phan Tiến D, có nơi cư trú tại Số nhà X, đường Đ, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; căn cứ khoản 1, 5 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thì quan hệ pháp luật tranh chấp là ly hôn, tranh chấp về nuôi con, tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

[2] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị N, Hội đồng xét xử thấy

[3] Về quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị N và anh Phan Tiến D được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 22/3/2000 tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương.

[4] Về mâu thuẫn vợ chồng: Sau khi cưới anh chị chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Phan Tiến D hay uống rượu say về nhà chửi bới, đánh đập chị Trần Thị N nhiều lần. Từ năm 2008 đến nay chị Trần Thị N và anh Phan Tiến D đã sống ly thân, chị Trần Thị N đã về nhà mẹ ruột ở thị trấn T, Hện L, tỉnh Bắc Ninh sinh sống. Trong thời gian anh chị sống ly thân, anh Phan Tiến D và chị Trần Thị N cũng không liên hệ, hỏi thăm gì và cũng không quan tâm gì đến nhau, ai sống ra sao thì sống. Vợ, chồng không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Chị Trần Thị N và anh Phan Tiến D đều có ý kiến không còn tình cảm gì với nhau và nhất trí thuận tình ly hôn. Xét thấy việc anh Phan Tiến D và chị Trần Thị N thuận tình ly hôn là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử công nhận chị Trần Thị N và anh Phan Tiến D thuận tình ly hôn.

[5] Về con chung: Chị Trần Thị N và anh Phan Tiến D có 02 con chung là cháu Phan Đức H, sinh ngày 18/8/2000 và cháu Phan Đức H1, sinh ngày 13/12/2006. Hiện cháu Phan Đức H đã trưởng thành, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Đối với cháu Phan Đức H1, sinh ngày 13/12/2006 hiện nay đang sống cùng anh Phan Tiến D. Anh Phan Tiến D và chị Trần Thị N thỏa thuận khi ly hôn anh Phan Tiến D là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Phan Đức H1 đến tuổi trưởng thành. Xét thấy đây là thỏa thuận tự nguyện của anh Phan Tiến D và chị Trần Thị N, phù hợp với quy định của pháp luật, không

trái đạo đức xã hội và phù hợp với nguyện vọng của cháu Phan Đức H1 nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này. Chị Trần Thị N có quyền đi lại, thăm nom con chung Phan Đức H1 không ai được cản trở.

[7] Về mức cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Phan Tiến D có yêu cầu chị Trần Thị N cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 5.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu H1 đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử thấy việc anh Phan Tiến D yêu cầu chị Trần Thị N cấp dưỡng nuôi con là chính đáng, hợp pháp.

[8] Về khả năng kinh tế của người phải cấp dưỡng và nhu cầu thực tế của người được cấp dưỡng thì anh Phan Tiến D trình bày chi phí sinh hoạt tối thiểu để nuôi cháu Phan Đức H1 là 3.000.000 đồng/tháng, Chị Trần Thị N trình bày hiện nay chị Trần Thị N làm 3 sào ruộng cùng gia đình bên ngoại, ngoài ra chị không có thu nhập gì khác, chị chỉ có khả năng cấp dưỡng nuôi cháu Phan Đức H1 khoảng 1.500.000 đồng/tháng.

[9] Tại đơn trình bày của chị Trần Thị N, có xác nhận của UBND thị trấn T, Huyện L tỉnh Bắc Ninh đã thể hiện chị Trần Thị N ở nhà, không có công việc ổn định, không có thu nhập; Tại công văn số 78 ngày 25/7/2022 của UBND thị trấn T, Huyện L tỉnh Bắc Ninh cung cấp thông tin về mức thu nhập trung bình tại địa phương là 50.000.000 đồng/người/ năm;

[10] Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử thấy việc anh Phan Tiến D yêu cầu chị Trần Thị N cấp dưỡng nuôi cháu Phan Tiến H1 5.000.000 đ/tháng là quá cao không phù hợp với chi phí thực tế để nuôi cháu Phan Đức H1 mà anh Phan Tiến D đã trình bày tại tòa, không phù hợp với khả năng kinh tế của người phải cấp dưỡng là chị Trần Thị N. Do vậy Hội đồng xét xử quyết định buộc chị Trần Thị N phải cấp dưỡng nuôi con cháu Phan Đức H1 sinh sinh ngày 13/12/2006 mỗi tháng là 1.500.000 đồng/ là hợp tình, hợp lý.

[11] Về phương thức cấp dưỡng và thời hạn cấp dưỡng: Phương thức cấp dưỡng theo tháng, thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày 22/8/2022 cho đến khi cháu Phan Đức H1, sinh năm 2006, đủ 18 tuổi.

[12] Về lãi chậm trả: Do anh Phan Tiến D không yêu cầu nên chị Trần Thị N không phải trả lãi chậm trả.

[13] Về tài sản chung và nợ chung chị Trần Thị N và anh Phan Tiến D đều khai không có tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[14] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[15] Về án phí, căn cứ khoản 4 Điều 147, điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án của Bộ luật Tố tụng dân sự chị Trần Thị N và anh Phan Tiến D mỗi người phải chịu 150.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm để nộp vào ngân sách nhà nước. Chị Trần Thị N tự nguyễn nộp cả

tiền án phí ly hôn cho anh Phan Tiến D. Chị Phan Thị N phải chịu án phí cấp dưỡng để nộp Ngân sách Nhà nước.

[16] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy đinh.

Vì các lẽ trên,

QuyÕt ®Þnh:

Căn cứ khoản 1, 5 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự và các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 118 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1.Công nhận chị Trần Thị N và anh Phan Tiến D thuận tình ly hôn *(Đăng ký kết hôn số 206 ngày 22/03/2000 tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn)*

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị Trần Thị N và anh Phan Tiến D, cụ thể: Anh Phan Tiến D là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phan Đức H1, sinh ngày 13/12/2006 đến đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi).

Chị Trần Thị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung Phan Đức H1 không ai được cản trở.

3.Về cấp dưỡng: Chị Trần Thị N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Phan Đức H1 sinh ngày 13/12/2006 mỗi tháng 1.500.000 đồng. Phương thức cấp dưỡng theo tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm là ngày 22/08/2022 cho đến khi cháu Phan Đức H1 đủ 18 tuổi.

Chị Trần Thị N không phải trả lãi chậm trả vì anh Phan Tiến D không yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Trần Thị N phải chịu tổng cộng là 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí hôn nhân gia đình không có giá ngạch và 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí cấp dưỡng không có giá ngạch để nộp vào ngân sách Nhà nước. Chị Trần Thị N đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0000952 ngày 29/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi khấu trừ thì chị Trần Thị N còn phải nộp tiếp 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí để nộp ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị N, anh Phan Tiến D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND.TP.LS
- Chị N, anh D;
- UBND phường C, TPLS,
- TAND tỉnh LS;
-……;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Nguyễn Kim Thịnh